

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Thủy Hải Sản Việt Nhật, (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (dưới đây gọi chung là Tập đoàn) đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ Phần Thủy Hải Sản Việt Nhật được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006673 ngày 10 tháng 05 năm 2007, và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 20 tháng 03 năm 2009 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại C34/1 Đường số 2G, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 86.800.000.000 đồng.

Đến thời điểm 31/12/2010, Công ty có đầu tư vào một công ty con.

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn như sau:

- Sản xuất, mua bán hàng hoá nông – lâm - thủy - hải sản và thực phẩm chế biến.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Văn Nhật	Chủ tịch
Bà Trần Thị Thúy	Phó Chủ tịch
Ông Lê Tấn Trung	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Diệu Hương	Thành viên
Ông Lương Công Gia	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Văn Nhật	Tổng Giám đốc
Ông Lê Tấn Trung	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Diệu Hương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hồng Gấm	Phó Tổng Giám đốc

3. Tình hình kinh doanh năm 2010

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2010 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Tập đoàn từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất và sổ sách, chứng từ kế toán của Tập đoàn.

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Tập đoàn có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Tập đoàn.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Tập đoàn phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2011



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN NHẬT

Số: 11.149/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Các Cổ đông**
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Thủy Hải Sản Việt Nhật (dưới đây gọi tắt là Công ty) và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn) từ trang 04 đến trang 23 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính hợp nhất có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính hợp nhất. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Tập đoàn thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2011

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



TÀNG QUỐC THẮNG

Chứng chỉ KTV Đ.0075/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

LỖ NGUYỄN THỦY PHƯƠNG

Chứng chỉ KTV 1191/KTV

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		113.305.865.575	88.788.407.769
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		723.194.248	681.126.489
1. Tiền	111	5.1	723.194.248	681.126.489
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.2	49.628.154.988	38.579.178.943
1. Phải thu khách hàng	131		15.193.990.441	19.592.496.512
2. Trả trước cho người bán	132		32.726.381.412	15.441.909.007
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		5.493.368.566	3.544.773.424
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(3.785.585.431)	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	44.043.762.651	33.545.768.025
1. Hàng tồn kho	141		44.822.009.254	33.545.768.025
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(778.246.603)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		18.910.753.687	15.982.334.312
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	125.141.876	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.887.605.586	2.458.690.314
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.4	109.339.619	16.624.607
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	14.788.666.606	13.507.019.391

(phần tiếp theo trang 05)

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		61.620.190.352	49.948.836.225
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		59.543.162.709	49.808.136.225
1. TSCĐ hữu hình	221	5.7	25.881.232.920	11.203.622.979
+ Nguyên giá	222		47.607.170.097	30.246.084.232
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.725.937.177)	(19.042.461.253)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	5.8	1.027.323.999	1.161.327.999
+ Nguyên giá	225		1.339.999.999	1.339.999.999
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		(312.676.000)	(178.672.000)
3. TSCĐ vô hình	227	5.9	27.461.573.783	27.610.631.783
+ Nguyên giá	228		28.388.180.116	28.349.180.116
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(926.606.333)	(738.548.333)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.10	5.173.032.007	9.832.553.464
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260	5.11	2.077.027.644	140.700.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.936.327.644	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		140.700.000	140.700.000
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		174.926.055.927	138.737.243.994

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		90.774.177.135	54.912.071.430
I. Nợ ngắn hạn	310		70.273.177.135	54.628.987.716
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.12	62.086.877.600	49.266.131.961
2. Phải trả người bán	312	5.13	5.499.864.301	2.674.695.765
3. Người mua trả tiền trước	313	5.13	229.143.525	138.641.573
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.14	1.199.286.921	1.714.094.799
5. Phải trả người lao động	315	5.15	967.648.530	718.631.568
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.16	290.356.258	116.792.050
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
II. Nợ dài hạn	330		20.501.000.000	283.083.714
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.17	20.501.000.000	283.083.714
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		84.151.878.792	83.825.172.564
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	84.151.878.792	83.825.172.564
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.230.710.000	80.230.710.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.608.854.848	1.608.854.848
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.312.313.944	1.985.607.716
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		174.926.055.927	138.737.243.994

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		15.418,54	1.447,02
+ EUR		-	-
+ SGD		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN CÔNG THƠ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN NHỰT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TP.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2011

[Signature]

Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 09 năm 2017

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
CƠ PHÂN
THỦY SẢN
VIỆT NHẬT

NGUYỄN VĂN H

NGUYEN VAN NHUT

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp trực tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		84.783.844.425	100.068.812.261
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(68.272.019.259)	(56.295.216.465)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(14.425.538.609)	(10.467.084.821)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(5.851.486.603)	(4.735.713.548)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.651.071.890)	(365.122.649)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		40.446.868.517	6.809.548.815
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(46.424.710.816)	(24.955.856.336)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(11.394.114.235)	10.059.367.257
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	21		(20.856.358.299)	(5.315.213.108)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	22		506.739.391	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		99.837.012	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(20.249.781.896)	(5.315.213.108)

(Phần tiếp theo ở trang 10)

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn và dài hạn đã nhận được	33		204.068.784.623	156.578.740.467
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(171.911.599.156)	(157.747.070.768)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(471.221.577)	(563.868.120)
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(7.220.763.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động Tài chính	40		31.685.963.890	(8.952.962.321)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		42.067.759	(4.208.808.172)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		681.126.489	4.889.934.661
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		723.194.248	681.126.489

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN CÔNG THƠ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
THỦY HẢI SẢN
VIỆT NHẬT
 NGUYỄN VĂN NHỰT

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Các thông tin chung

Tập đoàn Công ty Cổ Phần Thủy Hải Sản Việt Nhật (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006673 ngày 10 tháng 05 năm 2007, và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 20 tháng 03 năm 2009 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại C34/1 Đường số 2G, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 86.800.000.000 đồng.

Công ty có đầu tư vào một công ty con được trình bày như mục 1.4 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Chủ yếu là sản xuất, mua bán hàng hoá nông - lâm - thủy - hải sản và thực phẩm chế biến.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Sản xuất, mua bán hàng hoá nông - lâm - thủy - hải sản và thực phẩm chế biến;
- Dịch vụ giao nhận hàng hoá;
- Đại lý mua bán, ký gởi hàng hoá;
- Sản xuất mua bán bao bì (không in, tái chế phế thải tại trụ sở).

1.4. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Công ty con trực tiếp

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH MTV Đồ Hộp Phú Nhật	Ấp 10, xã Lương Hòa, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	100%	100%

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chứng từ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Thủy Hải Sản Việt Nhật, báo cáo tài chính các công ty con và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dư phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 15 năm
+ Máy móc thiết bị	02 - 12 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	10 năm
+ Tài sản cố định vô hình	46 năm

4.7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản. Nếu giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tối thiểu.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của Tập đoàn.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

4.9. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thông kê kinh nghiệm.

- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

4.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.12. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các báo cáo tài chính của các Công ty trong Tập đoàn.

4.13. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.14. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính này.

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	335.844.551	609.366.073
Tiền gửi ngân hàng	387.349.697	71.760.416
Tổng cộng	723.194.248	681.126.489

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	15.193.990.441	19.592.496.512
Trả trước cho người bán	32.726.381.412	15.441.909.007
Các khoản phải thu khác	5.493.368.566	3.544.773.424
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	53.413.740.419	38.579.178.943
Dự phòng phải thu khó đòi	(3.785.585.431)	-
Giá trị thuần của các khoản phải thu	49.628.154.988	38.579.178.943

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn, được chi tiết như sau:

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu công nhân	5.141.449	5.745.199
Phải thu tiền vay của CB CNV	943.884.587	854.685.695
Tạm ứng cho nhà cung cấp	4.544.342.530	2.684.342.530
Cộng	5.493.368.566	3.544.773.424

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Hàng gửi đi bán	1.382.043.411	-
Nguyên liệu, vật liệu	4.223.736.053	2.423.675.427
Công cụ, dụng cụ	281.270.908	304.629.504
Thành phẩm	38.934.958.882	30.817.463.094
Cộng giá gốc hàng tồn kho	44.822.009.254	33.545.768.025
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(778.246.603)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	44.043.762.651	33.545.768.025

5.4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế nhập khẩu được hoàn lại	109.339.619	16.624.607
Tổng cộng	109.339.619	16.624.607

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.5. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Công cụ, dụng cụ xuất đúng chờ phân bổ	125.141.876	-
Tổng cộng	125.141.876	-

5.6. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng cho nhân viên mua nguyên vật liệu	14.788.666.606	12.753.076.606
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn tại các ngân hàng	-	753.942.785
Tổng cộng	14.788.666.606	13.507.019.391

(Phần tiếp theo ở trang 17)

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN THÙY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.7. Tảng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	9.652.450.283	17.697.507.967	2.896.125.982	-	30.246.084.232
Mua trong năm	12.386.896.874	3.706.836.287	1.662.218.185	102.390.910	17.858.342.256
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(497.256.391)	-	(497.256.391)
Số dư cuối năm	22.039.347.157	21.404.344.254	4.061.087.776	102.390.910	47.607.170.097
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	4.304.157.000	14.302.443.253	435.861.000	-	19.042.461.253
Khấu hao trong năm	862.133.877	1.590.992.773	359.988.000	11.294.274	2.824.408.924
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(140.933.000)	-	(140.933.000)
Số dư cuối năm	5.166.290.877	15.893.436.026	654.916.000	11.294.274	21.725.937.177
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	5.348.293.283	3.395.064.714	2.460.264.982	-	11.203.622.979
Tại ngày cuối năm	16.873.056.280	5.510.908.228	3.406.171.776	91.096.636	25.881.232.920

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 4.639.746.580 đồng – xem thêm mục 5.17
 Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 7.668.058.253 đồng.

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	1.339.999.999	1.339.999.999
Số dư cuối năm	1.339.999.999	1.339.999.999
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	178.672.000	178.672.000
Khấu hao trong năm	134.004.000	134.004.000
Số dư cuối năm	312.676.000	312.676.000
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	1.161.327.999	1.161.327.999
Tại ngày cuối năm	1.027.323.999	1.027.323.999

5.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	28.323.580.116	25.600.000	28.349.180.116
Mua trong năm		39.000.000	39.000.000
Số dư cuối năm	28.323.580.116	64.600.000	28.388.180.116
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	721.483.000	17.065.333	738.548.333
Khấu hao trong năm	178.440.000	9.618.000	188.058.000
Số dư cuối năm	899.923.000	26.683.333	926.606.333
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	27.602.097.116	8.534.667	27.610.631.783
Tại ngày cuối năm	27.423.657.116	37.916.667	27.461.573.783

Giá trị còn lại của tài sản thế chấp là 22.858.328.593 đồng – xem thêm mục 5.12

5.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đây là chi phí đầu tư xây dựng nhà xưởng và văn phòng Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật.

5.11. Tài sản dài hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	1.936.327.644	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	140.700.000	140.700.000
Tổng cộng	2.077.027.644	140.700.000

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.12. Vay ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	61.857.598.107	48.917.880.207
Nợ thuế tài chính đến hạn trả	229.279.493	348.251.754
Tổng cộng	62.086.877.600	49.266.131.961

Các khoản vay ngân hàng được thế chấp bằng quyền sử dụng đất (xem thêm mục 5.9) và chịu lãi suất từ 12%/năm đến 14,66%/năm đối với VND; thời hạn vay tối đa là 12 tháng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh hàng xuất khẩu thủy sản.

5.13. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	5.499.864.301	2.674.695.765
Người mua trả tiền trước	229.143.525	138.641.573
Tổng cộng	5.729.007.826	2.813.337.338

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

5.14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.183.502.951	1.711.276.483
Thuế thu nhập cá nhân	13.241.245	2.818.316
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	2.542.725	-
Tổng cộng	1.199.286.921	1.714.094.799

5.15. Phải trả người lao động

Là khoản lương kỳ 2 tháng 12 năm 2010 còn phải trả cho cán bộ, công nhân viên Tập đoàn.

5.16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	103.299.499	79.512.879
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	102.220.980	37.279.171
Khác	84.835.779	-
Tổng cộng	290.356.258	116.792.050

5.17. Vay và nợ dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	20.501.000.000	-
Nợ thuế tài chính	-	283.083.714
Tổng cộng	20.501.000.000	283.083.714

Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay có thời hạn 36 tháng với lãi suất từ 12%/năm đến 14%/năm. Mục đích vay để đầu tư xây dựng mua sắm thiết bị sản xuất. Các khoản vay được bảo đảm bằng máy móc thiết bị và quyền sử dụng đất – xem thêm mục 5.7 và mục 5.9.

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.18. Vốn chủ sở hữu

5.18.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

ĐVT: 1.000 đồng

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	80.230.710	1.258.855	207.422	81.696.987
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	9.649.244	9.649.244
Trích lập quỹ	-	350.000	(350.000)	-
Giảm khác	-	-	(300.294)	(300.294)
Chi cổ tức	-	-	(7.220.764)	(7.220.764)
Số dư đầu năm nay	80.230.710	1.608.855	1.985.608	83.825.173
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.588.697	1.588.697
Trích lập quỹ	-	-	(1.261.991)	(1.261.991)
Số dư cuối năm nay	80.230.710	1.608.855	2.312.314	84.151.879

5.18.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của cổ đông sáng lập	50.718.490.000	50.718.490.000
Vốn góp của các cổ đông khác	29.512.220.000	29.512.220.000
Tổng cộng	80.230.710.000	80.230.710.000

5.18.3. Cổ phần

• Số lượng cổ phần phổ thông đang kỳ phát hành	8.680.000	8.680.000
• Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	8.023.071	8.023.071
• Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	8.023.071	8.023.071
• Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

5.18.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi hợp nhất sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	1.588.697.335	9.649.243.580
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ của Công ty mẹ	8.023.071	8.023.071
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	198	1.203

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.18.5. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	1.985.607.716	207.422.435
Lợi nhuận sau thuế trong năm	1.588.697.335	9.649.243.580
Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.261.991.107)	(350.000.000)
Giảm khác	-	(300.294.399)
Chia cổ tức	-	(7.220.763.900)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	2.312.313.944	1.985.607.716

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	85.041.856.858	79.638.525.238
Giảm giá hàng bán	-	(60.461.154)
Hàng bán bị trả lại	(5.992.988.491)	(5.999.738.843)
Doanh thu thuần	79.048.868.367	73.578.325.241

6.2. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	99.837.012	111.726.491
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	525.874.942
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	571.033.662	498.693.698
Tổng cộng	670.870.674	1.136.295.131

6.3. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	5.851.486.603	4.735.713.548
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.022.142.572	673.155.222
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.432.600	-
Lãi thuê xe tài chính	54.276.712	102.298.696
Khác	2.204.722	-
Tổng cộng	6.939.543.209	5.511.167.466

6.4. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	506.739.391	-
Tổng cộng	506.739.391	-

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.5. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	356.323.391	-
Phí lưu ký sổ cổ đông	40.909.090	27.110.540
Phí tư vấn phát hành và niêm yết cổ phiếu	269.850.000	-
Chi phí khác	2.704.560.300	-
Tổng cộng	3.371.642.781	27.110.540

6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	2.711.995.694	11.287.574.802
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	442.957.535	358.413.314
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	-	(498.693.698)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	3.154.953.229	11.147.294.418
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	-	-
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	1.123.298.358	2.786.823.604
Trừ thuế TNDN được miễn giảm 50%	-	(1.148.492.382)
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	1.123.298.358	1.638.331.222

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế như: chi phí lãi vay tương ứng với số vốn góp chưa đủ theo giấy đăng ký kinh doanh.

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

Tên công ty

Mối quan hệ

- Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật

Công ty con

- Giao dịch giữa Công ty và các công ty con, đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.
- Thủ lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thủ lao Hội đồng quản trị	203.900.000	27.900.000
Lương Ban Tổng Giám đốc	523.336.000	270.799.494
Tổng cộng	727.236.000	298.699.494

8. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

9. Các thông tin thuyết minh khác

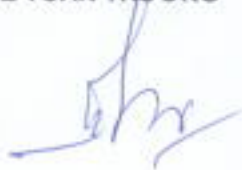
Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Tập đoàn đã áp dụng các quy định này cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất từ năm 2010 trở đi.

10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 20 tháng 02 năm 2011.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN CÔNG THƠ

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN NHỰT